

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1811 /STNMT-TT

Đồng Nai, ngày 19 tháng 3 năm 2020

V/v đề nghị góp ý, niêm yết dự thảo
Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định
số 18/2019/QĐ-UBND ngày 12/4/2019
của UBND tỉnh

Kính gửi:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Xây dựng;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

S.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 2316/UBND-KTN ngày 06/3/2020 về việc xử lý nội dung đề xuất bãi bỏ Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh về việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh. Ngày 13/3/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường đã làm việc với Sở Tư pháp và UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa để đề xuất UBND tỉnh xử lý Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 12/4/2019.

Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị tại cuộc họp, Sở Tài nguyên và Môi trường đã dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh.

Thực hiện trình tự xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh. Đề nghị các đơn vị góp ý, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường **trước ngày 31/3/2020**.

Đồng thời, đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải toàn văn dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh trên trang thông tin điện tử của tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó GD Sở;
- Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, TT (02b), Pg (03b).

E:/Phap che/sua QD 18/CV de nghi gop y



KT. GIÁM ĐỐC ✓
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Hưng

Đường Đồng Khởi, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
Điện thoại: 0251 3826602 - Fax: 0251.3827364; Email: vbsnmt@dongnai.gov.vn.

Số: ... /2019/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày ... tháng ... năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-STNMT ngày ... tháng ... năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

"Điều 4. Điều kiện thực hiện cưỡng chế

Cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực thi hành mà các bên hoặc một trong các bên tranh chấp không chấp hành quyết định và đã được Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có đất tranh chấp đã vận động, thuyết phục mà không chấp hành;.

2. Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất tranh chấp.

3. Người bị cưỡng chế đã nhận được Quyết định cưỡng chế. Trường hợp người bị cưỡng chế từ chối không nhận quyết định cưỡng chế hoặc vắng mặt khi giao quyết định cưỡng chế thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản.

4. Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực thi hành."

2. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 7 như sau:

"b) Cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế; đối tượng bị áp dụng biện pháp cưỡng chế.

Người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế phân công cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế trên nguyên tắc căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu giải quyết, tính chất, mức độ và điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế".

3. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 7 như sau:

"a) Thành phần Ban thực hiện cưỡng chế

Thành phần Ban thực hiện cưỡng chế gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện là Trưởng ban; Trưởng Phòng hoặc Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường là Phó Trưởng ban; thành viên là đại diện cơ quan cấp huyện: Công an, tài chính, thanh tra, tư pháp, xây dựng, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế và các thành viên khác do người ký quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế quyết định."

4. Sửa đổi khoản 3, khoản 4 Điều 11 như sau:

"3. Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế, người có liên quan từ chối nhận tài sản, thì Ban thực hiện cưỡng chế xử lý như sau:

a) Trường hợp cá nhân, tổ chức từ chối nhận tài sản, người tổ chức cưỡng chế phải lập biên bản ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng từng loại tài sản và thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện trông giữ, bảo quản hoặc bảo quản tại kho của cơ quan ra quyết định cưỡng chế hoặc tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất cưỡng chế. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cưỡng chế, Ban

thực hiện cưỡng chế phải niêm yết thông báo tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế; việc niêm yết phải được lập thành biên bản. Nội dung thông báo nêu rõ về thời gian, địa điểm để cá nhân, tổ chức có tài sản nhận lại tài sản. Cá nhân, tổ chức có tài sản phải chịu các chi phí vận chuyển, trông giữ, bảo quản tài sản.

b) Trường hợp tài sản trên đất phải cưỡng chế là gia súc, gia cầm, vật nuôi khác làm phát sinh chi phí trông giữ, chăm sóc lớn hoặc tài sản để lâu có thể hư hỏng, giảm giá trị và đã quá thời hạn nhận lại tài sản ghi trong thông báo mà cá nhân, tổ chức có tài sản không nhận lại tài sản thì người ra quyết định cưỡng chế thông báo trên báo đài, các phương tiện thông tin truyền thông khác. Khi hết thời hạn nhận lại tài sản theo thông báo mà cá nhân, tổ chức có tài sản không nhận lại tài sản thì cơ quan có thẩm quyền được phép xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Ngay sau khi thực hiện xong cưỡng chế ngoài thực địa, Ban thực hiện cưỡng chế đề nghị cơ quan chức năng đo đạc và lập biên bản bàn giao đất cho người sử dụng đất theo quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, biên bản bàn giao đất phải có chữ ký của đại diện Ban thực hiện cưỡng chế, người nhận bàn giao đất và xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cưỡng chế."

5. Sửa đổi Khoản 2, Điều 14 như sau:

"2. Trường hợp người bị cưỡng chế có hành vi chiếm đất sau khi đã cưỡng chế thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công chức phát hiện hành vi vi phạm lập biên bản vi phạm hành chính theo thẩm quyền, báo cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xử lý vi phạm hành chính theo quy định."

6. Sửa đổi Khoản 2 Điều 15 như sau:

"2. Chi phí thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai do Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí để thực hiện hàng năm. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện."

7. Sửa đổi Khoản 4 Điều 16 như sau:

"4. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thi hành quyết định cưỡng chế có trách nhiệm phối hợp với Ban thực hiện cưỡng chế vận động, giải thích, thuyết phục đối tượng cưỡng chế; tổ chức thực hiện việc giao, niêm yết công khai quyết định cưỡng chế; tham gia thực hiện cưỡng chế; di chuyển, bảo quản tài sản của đối tượng bị cưỡng chế đối với trường hợp không nhận tài sản do Ban thực hiện cưỡng chế bàn giao".

8. Sửa đổi Mẫu số 01-CC, Mẫu số 02-ĐCC, Mẫu số 03-KHCC ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

Mẫu số 01-CC, Mẫu số 02-BCC, Mẫu số 03-KHCC ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Bãi bỏ Điều 12 Quy định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh.

Điều 3. Hiệu lực và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày... tháng... năm....

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND;
- Công báo tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, NC, TD, HC.

ng

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Chánh

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....(1).....

Mẫu số 01-CC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND

.....(2), ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc củng cố thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN...(1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định củng cố thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số .../2019/QĐ-UBND ngày .../.../... của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định củng cố thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-PTNMT ngày ...tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Củng cố thi hành Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm của.... (3) về việc giải quyết tranh chấp đất đai đối với:

Ông (Bà)/Tổ chức:.....

Ngày ... tháng ... năm sinh Quốc tịch:

Địa chỉ:

Giấy CMND hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số:

Cấp ngày: Nơi cấp:

Lý do cưỡng chế: Do ông (bà)/tổ chức không chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật.

Biện pháp cưỡng chế:..... (4).

Thời gian thực hiện:..... (5), kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Địa điểm thực hiện:..... (6).

Cơ quan chủ trì cưỡng chế:

Cơ quan phối hợp:....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao/Gửi cho ông (bà)/tổ chức..... (7) để chấp hành.

Ông (Bà)/Tổ chức vi phạm có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Giao(8) để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Sở TNMT, Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, ...

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ chức vụ, họ tên)

-
1. Tên cấp huyện.
 2. Ghi tên địa danh.
 3. Chức danh, cơ quan ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.
 4. Ghi rõ biện pháp cưỡng chế được áp dụng.
 5. Ghi rõ thời gian tổ chức cưỡng chế.
 6. Ghi rõ địa điểm tổ chức cưỡng chế.
 7. Ghi tên tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế.
 8. Ghi rõ tên cơ quan chủ trì cưỡng chế; cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND

.....(2), ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thi hành
quyết định giải quyết tranh chấp đất đai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN(1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số/2019/QĐ-UBND ngày .../.../... của UBND tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch UBND... về việc cưỡng chế thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-PTNMT ngày ...tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thi hành Quyết định số.../QĐ-UBND ngày ... tháng... năm... của Chủ tịch ...(3) về việc giải quyết tranh chấp đất đai, gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông (bà)..... (4), Trưởng ban;

2. Ông (bà).....(4), Phó Trưởng ban (nếu có);

3. Ông (bà).....(4), Thành viên;

.....

Điều 2. Ban thực hiện cưỡng chế có nhiệm vụ(5)

Giao cho Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, theo dõi việc thực hiện; tham mưu Chủ tịch UBND ...(1) xử lý theo thẩm quyền các kiến nghị của Ban thực hiện cưỡng chế.

Điều 3. Các ông (bà) có tên tại Điều 1, ...(6), ... (7) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu:...

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi rõ chức vụ, họ tên)

1. Tên cấp huyện.

2. Ghi tên địa danh.

3. Ghi tên cơ quan ban hành quyết định.

4. Ghi rõ họ tên, chức vụ.

5. Nhiệm vụ của Ban thực hiện cưỡng chế

6. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện cưỡng chế.

7. Tổ chức hoặc cá nhân là người bị cưỡng chế.

ỦY BAN NHÂN DÂN ...(1)
BAN THỰC HIỆN CƯỜNG CHẾ
 (Theo Quyết định số ...)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /KH-BTHCC

.....(2), ngày tháng năm

KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH CƯỜNG CHẾ

Thực hiện Quyết định số .../QĐ-UBND ngày/...../..... của Chủ tịch UBND ...(1) về việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và Quyết định số .../QĐ-UBND ngày/...../..... của Chủ tịch UBND ...(1) về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, Ban thực hiện cưỡng chế lập kế hoạch tiến hành cưỡng chế như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích
2. Yêu cầu

II. Nội dung cưỡng chế

1. Thời gian cưỡng chế:
2. Địa điểm cưỡng chế:

3. Nội dung cưỡng chế:

4. Phương án cưỡng chế:

5. Dự kiến tình huống phát sinh và phương án ứng phó:

6. Phương án bố trí nơi ở cho người phải di chuyển chỗ ở (nếu có):

III. Thành phần cưỡng chế; công cụ, phương tiện cưỡng chế:

1. Thành phần cưỡng chế:

2. Công cụ, phương tiện phục vụ cưỡng chế:

III. Chi phí thực hiện cưỡng chế

IV. Tổ chức thực hiện

1. Tiến độ thực hiện.
2. Chế độ thông tin, báo cáo.
3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.
4. Những vấn đề khác (nếu có).

PHÊ DUYỆT CỦA NGƯỜI RA
QUYẾT ĐỊNH CƯỜNG CHẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG BAN THỰC HIỆN
CƯỜNG CHẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

-;
- Lưu:

-
1. Tên cấp huyện ban hành Quyết định cường chế.
 2. Ghi tên địa danh.